

CHƯƠNG TRÌNH "CẢI CÁCH" CHÍNH TRỊ VÀ "CẢI CÁCH" BỘ MÁY CHÍNH QUYỀN CỦA PIÈRRE PASQUIER Ở VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU THẬP NIÊN 30, THẾ KỶ XX

TẠ THỊ THÚY*

Ở bài viết trước, chúng tôi đã đề cập đến sự thay đổi chính sách thuộc địa và những nội dung cơ bản của chính sách thuộc địa "mới" mà Pièrre Pasquier đã hoạch định cho Đông Dương nói chung, Việt Nam nói riêng thông qua một "Chương trình cải cách" to lớn như đã biết, để đối phó với cuộc khủng hoảng về kinh tế và cuộc "khủng hoảng thuộc địa" đầu những năm 30. Trong bài viết này, chúng tôi sẽ trình bày về việc triển khai trên thực tế chính sách thuộc địa hay là chương trình "cải cách" trên các lĩnh vực chính trị và bộ máy chính quyền của Pièrre Pasquier.

1. "Cải cách" chính trị, khôi phục chế độ Bảo hộ

Theo tinh thần Hiệp ước 6-6-1884, Nam Kỳ là xứ thuộc địa, việc quản lý được thực hiện theo phương pháp trực trị, hai xứ còn lại (Bắc Kỳ và Trung Kỳ) là hai xứ bảo hộ. Về danh nghĩa, ở hai xứ bảo hộ này "*nhà vua vẫn còn có quyền trong việc quản trị đất nước*", bên cạnh chính quyền thực dân. Tuy nhiên, năm 1925, khi vua Khải Định chết, Đông cung Thái tử Vĩnh Thụy kế vị nhưng còn nhỏ, lại đang du học bên Pháp,

người Pháp liền bãi bỏ luôn chế độ bảo hộ ở hai xứ này. Ngày 6-11-1925, Tôn Thất Hân, đại diện Hội đồng phụ chính ký với Toàn quyền Đông Dương Alexandre Varenne một Thỏa ước. Theo đấy, chính quyền Pháp thừa nhận Vĩnh Thụy là Đại Nam hoàng đế, nhưng chỉ những lệ định liên quan đến điển lễ, việc ân thích, ân xá, tặng phong các hàm tước, chức sắc mới do Hoàng đế ban chỉ dụ, còn lại, tất cả những việc khác về hình hiến, tư pháp, trị an trong nước, việc sắp đặt các công vụ, việc lựa chọn bổ dụng quan lại sẽ thuộc quyền nhà nước bảo hộ. Riêng ở Trung Kỳ, Khâm sứ Pháp sẽ "*bàn bạc*" với Hội đồng thượng thư về mọi việc đó. Việc bổ dụng và bãi miễn thượng thư là quyền Hoàng đế nhưng phải hỏi ý kiến Khâm sứ và phải được Toàn quyền Đông Dương thông qua. Thỏa ước này còn cho sáp nhập ngân sách Nam triều vào Ngân sách Trung Kỳ của chính quyền thuộc địa và quy định các cuộc họp của Hội đồng Thượng thư phải do Khâm sứ Trung Kỳ chủ trì. Điều đó có nghĩa là thực dân Pháp đã nắm mọi quyền lực của Nam triều cũng như xóa bỏ hoàn toàn chế độ bảo hộ dù là

* PGS.TS. Viện Sử học

giả hiệu và thực thi chế độ trực trị trên địa hạt Trung Kỳ và cả ở Bắc Kỳ là xứ từ 1897, sau khi bãi chức Kinh lược của Triều đình Huế, trên thực tế đã là xứ trực trị gần giống với Nam Kỳ. Triều đình Huế thực sự chỉ còn là bù nhìn do chính quyền thực dân trả lương.

Thế nhưng, với con mắt của một chính trị gia lão luyện có bề dày "*kinh nghiệm*" của 30 năm "*nằm vùng*" ở Đông Dương cùng với việc "*tham khảo*" những kinh nghiệm của La Mã trong việc cai trị bằng chính sách "*bảo hộ*" đối với châu Âu trước đây (1), Pierre Pasquier cho rằng việc bãi bỏ chế độ bảo hộ là không "*ổn*" đối với "*một dân tộc có truyền thống quân chủ*", dựa trên nền tảng tư tưởng Nho giáo. Một số nhân vật trong giới thực dân Đông Dương cũng cùng quan điểm này. Doutre một luật sư, phản đối gay gắt chính sách đồng hóa, tiêu diệt quyền bính của vua quan bản xứ, vì theo ông ta:

"*Muốn cai trị hiệu nghiệm xứ này phải làm cho dân chúng có ảo tưởng là họ còn có một ông vua... Tất cả những gì do vua mà ra sẽ được chấp nhận một cách kính cẩn. Tất cả những gì do chúng ta sẽ chỉ làm cho người bản xứ phải chịu đựng một cách ngờ vực... Có như thế, một ngày kia nếu cần phải chiến đấu cho ta, họ sẽ chiến đấu vì có ảo tưởng là chỉ bảo vệ ông vua của họ... Đối với quan lại cũng vậy, chúng ta phải tôn trọng để lợi dụng họ vì họ là đại diện của nhà vua... "* (2).

Theo tinh thần này, Pierre Pasquier đã sớm chuẩn bị cho việc "*phục cổ*", khôi phục triều đình phong kiến với cả ngôi vua và bộ máy quan lại Nam triều đã bị Thỏa ước 1925 bãi bỏ. Và, khi Đông Dương rơi vào tình trạng khủng hoảng sâu rộng về kinh tế cũng như khi cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam dần trở thành một cao trào

thì quyết tâm thay đổi chính sách thuộc địa (còn gọi là chiến lược thuộc địa) (3), trở lại với chế độ bảo hộ, tạo ra sự cấu kết chặt chẽ giữa hai thế lực thực dân và phong kiến của viên toàn quyền này càng mạnh mẽ hơn.

Năm 1929, Pierre Pasquier bắt đầu khởi động việc "*cải cách quan trường*" để phục hoạt cỗ máy hoen rỉ đó. Nghị định toàn quyền 20-2-1929 nhắc lại quyền của các quan đầu tỉnh Nam triều trong việc quản lý đất đai, dưới sự kiểm soát của Công sứ.

Pierre Pasquier sử dụng giới "*thượng lưu trí thức*" để tuyên truyền cho chính sách của mình. Tháng 5 và 6-1930, trên tờ *France - Indochine*, Phạm Quỳnh cho đăng liên tục ba bài luận thuyết về chế độ Quân chủ Lập hiến ở Việt Nam, thực hiện trở lại Hiệp ước 1884. Trên *Nam Phong*, Phạm Quỳnh cũng viết nhiều bài yêu cầu sửa đổi thể chế chính trị ở Đông Dương, ủng hộ chế độ "*bảo hộ chặt chẽ*" và xây dựng chính thể Quân chủ Lập hiến để "... *thỏa thuận cái tư tưởng quốc gia của người Annam*" (4). *Nam Phong* số 154 (9-1930) đăng nguyên cả bài diễn thuyết của Pierre Pasquier: *Lược thuật tình hình Đông Dương và tuyên bố cải cách thể chế chính trị*, trong đó có đoạn:

"*Phải khôi phục lại quyền quan trường... khôi phục lại nền nếp của nước Nam. Nước Nam đã có cái lịch sử quân chủ bấy lâu, nay không thể là nước không quân chủ được. Dù đối với người Annam đã có tư tưởng mới, ngôi quốc trưởng vẫn phải là một đáng đặc biệt để nối dõi phụng thờ quốc tổ, tiêu biểu cho quốc hồn và đối với thần dân như cha mẹ đối với con cái vậy*" (5).

Khi biết Reynaud sắp tới Hà Nội, ngày 11-12-1931, Phạm Quỳnh nói rõ chủ trương của giới trí thức Bắc Kỳ là sẽ:

"... *không trình bày những chi tiết mà nêu những thỉnh cầu điều cốt yếu đệ nhất*

là xin cho nước Nam một cái chính thể phân minh, ngõ hầu cho người Nam được có một cái tổ quốc để mà thờ, không đến nỗi phải làm một người dân không nước" (6).

Tháng 6-1932, trên *Nam Phong* số 173, Phạm Quỳnh còn viết cụ thể hơn về việc "cải cách" chính trị theo thể chế Quân chủ lập hiến với các điểm sau:

"1. Xin với Bảo hộ trao trả lại quyền nội trị cho quốc vương theo đúng nguyên tắc trong điều ước Pháp - Nam năm Kiến Phúc nguyên niên 6-6-1884, nghĩa là xin thi hành đúng chính sách "bảo hộ" mà bỏ hẳn chính sách trực trị như từ trước đến nay.

2. Xin với quốc vương ban hành một đạo hiến pháp cho quốc dân nghĩa là định cái chương trình cải cách chính trị trong giới hạn điều ước Bảo hộ. Bảo hộ trả cái quyền hạn cho Quốc vương, Quốc vương nhường một phần quyền đó cho quốc dân mà đặt ra một bên là nội các trách nhiệm, một bên có nghị viện giám sát.

Cải cách như vậy bảo toàn được quyền lợi của Bảo hộ, quốc vương, quốc dân trên cả 3 phương diện: Về tinh thần: nước Nam vẫn là nước Nam. Về xã hội: nước Việt Nam là nước gia trưởng, quân chủ chuyên chế, nay đổi sang Quân chủ lập hiến, duy trì nguyên tắc lập quốc và trật tự xã hội, quân dân cộng trị làm cho dân được tham gia vào việc nước, xã hội điều hoà. Về chính trị: có hiến pháp phân minh sẽ có chỗ để sử dụng nhân tài"

Tháng 8-1932, trên *Nam Phong* số 175, Phạm Quỳnh còn đưa ra cả một đồng lý sự để bênh vực "chủ nghĩa tôn quân" của mình, nào là do "quốc dân ta trình độ thấp nên nước ta vẫn cần tới quân chủ"...; rằng "Cương thường là đạo đức luân lý ngàn đời của dân tộc, không thể bỏ được, bỏ thì xã hội tan rã"...; nhưng cũng "không thể lập

tổng thống được vì Pháp không cho phép" và nếu như lập tổng thống thì "Tổng thống không bằng vua vì là vua thế tập, đời đời kế nghiệp, coi vận mệnh nước nhà là vận mệnh của mình, vận mệnh của cả nhà, cả họ mình, đối với nước vẫn có một cái tình nghĩa thiết tha thâm trầm hơn". Rồi Phạm Quỳnh đả kích chủ nghĩa dân chủ là "quay cuồng xuẩn động", là "đổi chủ nọ lấy chủ kia"...

Thế rồi cuộc "cải cách", được khởi động từ tháng 9-1930, chính thức bắt đầu và Bảo Đại trở thành con bài trong tay chính phủ thuộc địa trong "Chương trình cải cách" ấy. Gần như mọi "cải cách" của Pierre Pasquier đều thông qua vị vua bù nhìn này và ông ta đúng chỉ là tay sai của người Pháp trong việc đàn áp phong trào dân tộc và khắc phục khủng hoảng.

Ngày 16-8-1932, Bảo Đại lên đường về nước. Ngày 10-9-1932, Bảo Đại ra Đạo dụ số 1 tuyên bố chấp chính, hủy bỏ bản Thỏa ước 6-11-1925, khẳng định quyền lực của nhà vua và triều đình nhà Nguyễn, đồng thời tuyên bố cải cách triều chính trên mọi mặt: quan trường, hành chính, pháp luật, giáo dục... Dự án về Chính phủ Nam triều mới, tức Cơ mật viện đã được Khâm sứ Trung Kỳ đưa ra vào tháng 10-1932 và được Bảo Đại phê chuẩn vào tháng 1-1933. Theo đó, Hoàng đế được coi là người hợp pháp duy nhất đại diện cho đất nước, với chỉ một điều kiện là chấp nhận sự kiểm soát của đại diện của Pháp và thay cho vai trò "trị vì" trước đây, nay nhà vua được khoác cho một vai trò mang tính chất mị dân là "điều khiển đất nước". Còn ở Bắc Kỳ, trước Hội đồng Dân biểu Bắc Kỳ 9-11-1932, Thống sứ Bắc Kỳ Pages trình bày chương trình "cải cách chính trị ở Bắc Kỳ", trong đó khẳng định "cải cách" là lập lại chế độ bảo hộ chặt chẽ ở đây:

"Về chính thể bảo hộ, tôi công nhiên tuyên bố chính là cái quan niệm rất thiết tha của tôi để mà chủ trì việc giao tế của nước Pháp với nhân dân Bắc Kỳ vậy. Cái chính thể ấy vốn là của La Mã di truyền cho nước Pháp khi xưa, là gồm có sự khoan dung sự bảo tồn cái tục lệ và sự thực hành một chính sách có lợi cho cả đôi bên" (7).

Và như vậy, cho đến khi Bảo Đại về nước, việc "cải cách" về thể chế chính trị của Pierre Pasquier đã căn bản hoàn thành. Chế độ trực trị nửa chừng trước đây đã được thay thế bằng chế độ "bảo hộ", nhằm "dùng người Việt trị người Việt" để đỡ cho Pháp phải đối đầu trực diện với phong trào đấu tranh của nhân dân Việt Nam, cũng tránh được mặc cảm bị "mất nước", "không có vua" và thỏa mãn "cơn khát độc lập" của giới "đại thượng lưu - trí thức" bản xứ lúc bấy giờ.

2. "Cải cách" bộ máy chính quyền

a. Bộ máy hành chính

Sau chiến tranh thế giới lần I, để phục vụ cuộc đại khai thác thuộc địa lần thứ hai, chính phủ Pháp đã tiến hành củng cố một lần nữa bộ máy chính quyền thuộc địa, như đã được trình bày trong cuốn *Lịch sử Việt Nam Tập VIII 1919-1930* (8). Tuy nhiên, khi có những "biến cố" diễn ra từ cuối những năm 20 đầu những năm 30 thế kỷ XX ở Việt Nam, bộ máy chính quyền, được củng cố theo tư tưởng của hội Tam Điểm Pháp và vận hành trong hoàn cảnh tương đối "hòa bình" và nhất là trong một chế độ gần như trực trị đồng nhất trên cả ba xứ của Việt Nam đã bị coi là không mấy còn "phù hợp" nữa. Bởi vì, trong khi bộ máy đàn áp và tư pháp của chính quyền thuộc địa không đủ sức giăng ra trên một lãnh thổ rộng lớn của cả ba kỳ để kiểm soát, giám sát và phản ứng nhanh trước phong trào đấu tranh của nhân dân Việt Nam thì

triều đình Huế và bộ máy quan lại Nam triều, vốn chỉ quen với vai trò bù nhìn và áp bức, bóc lột nhân dân, nay dường như không còn đủ sinh lực và uy lực để giúp chính quyền thực dân trong việc cai trị và khai thác thuộc địa nữa. Vì điều đó, cùng với việc "cải cách" về chính trị ở trên, Pierre Pasquier đã thúc đẩy nhanh việc "cải tổ" bộ máy chính quyền theo hướng kết hợp giữa củng cố bộ máy chính quyền của chính quyền thực dân với việc "phục hoạt" bộ máy quan lại bản xứ để làm cho cả bộ máy chính quyền thực dân phong kiến Việt Nam đủ "mạnh", đủ "rắn", đủ "khôn ngoan" để chống phá phong trào cách mạng, ổn định trật tự xã hội thuộc địa, giúp Pháp thoát ra khỏi khủng hoảng.

Việc "cải tổ" bộ máy được bắt đầu ngay từ đầu 1930, tức là trước khi "Chương trình cải cách" của Pierre Pasquier chính thức được chính quốc chấp thuận.

Đối với bộ máy hành chính của Pháp ở thuộc địa thì việc củng cố, tổ chức lại gần như đã được hoàn tất ở giai đoạn trước nên lần này việc "cải cách" chỉ là tiếp tục kiện toàn tổ chức hay sửa đổi một chút về chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận của nó cho phù hợp với hoàn cảnh mới. Để thực hiện việc này, ngày 13-1-1930, Pierre Pasquier ra nghị định lập một "Ủy ban nghiên cứu cải cách các phương pháp điều khiển trong các cơ quan hành chính cấp liên bang để hiện đại hoá và sử dụng nhân sự sao cho có năng suất cao nhất" với một chủ tịch là Tổng thư ký Phủ Toàn quyền và các thành viên là Giám đốc Tài chính, Tổng thanh tra Công chính, Tổng thanh tra Công nghiệp và Mỏ, Giám đốc Nhân sự (9). Trong những tháng đầu 1930, Pierre Pasquier ra một loạt nghị định quy định lại chức năng, quyền hạn của Nha kinh tế thuộc Phủ Toàn quyền (14-2-1930) cũng như của

Giám đốc Tài chính Đông Dương (20-3-1930)...

Mục đích chính của việc "cải cách" bộ máy chính quyền của Pierre Pasquier lần này là tập trung "vực dậy" bộ máy quan lại người Việt và chính phủ Nam triều.

Ở Bắc Kỳ, ngày 7-4-1930, Thống sứ Robin ra nghị định thi hành Nghị định Toàn quyền ngày 3-3-1930 để chấn chỉnh lại Viện Dân biểu Bắc Kỳ (10), với nội dung là tăng thêm quyền hạn cho Thống sứ đối với cơ quan dân biểu này và tăng thêm số thành viên người Việt trong cơ cấu của nó. Theo đó, bên cạnh số đại biểu được bầu ra, căn cứ đề nghị của Công sứ và Đốc lý các tỉnh, Thống sứ có quyền chỉ định thêm một số thành viên bằng 1/4 tổng số nghị viên trong Viện; nhiệm kỳ của Viện từ 3 năm tăng lên 4 năm; sáp nhập hai viện dân biểu Tây - Nam "để cho các nghị viên Nam có dịp học hỏi các nghị viên Tây"

Để khôi phục quyền lực và "danh giá" cho bộ máy quan lại Nam triều, Thống sứ Bắc Kỳ ra Nghị định ngày 3-7-1930 (11), sửa đổi Nghị định ngày 25-6-1922 về quy chế tuyển dụng quan lại cấp tổng lý. Theo nghị định ngày 25-6-1922, Tổng lý là do dân bầu, nay được sửa lại là do chính phủ Nam triều bổ dụng, hình thức bầu chỉ là ngoại lệ. Thêm nữa, các tổng lý này làm việc trong một thời hạn nhất định mà không bị chê trách sẽ được thăng thưởng phẩm hàm.

Các Hội đồng Kỳ mục hàng tỉnh (Conseil provincial des Notables indigènes) trên phạm vi cả ba kỳ cũng được thành lập lại và tổ chức lại. Ngày 1-8-1930, Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn nghị định của Khâm sứ Trung Kỳ tổ chức ở mỗi tỉnh Trung Kỳ một Hội đồng kỳ mục bản xứ (trừ Đồng Nai thượng và Kontum, theo chế độ dành riêng cho các tỉnh cao nguyên) (12). Ở

Nam Kỳ, theo đề nghị của Toàn quyền Đông Dương, ngày 19-8-1930, Tổng thống Pháp ra Sắc lệnh tổ chức Hội đồng kỳ mục hàng tỉnh ở xứ này (13). Cũng như vậy, Nghị định ngày 21-11-1930, sửa đổi một số điều khoản của Nghị định ngày 19-3-1913 liên quan đến Hội đồng kỳ mục hàng tỉnh ở Bắc Kỳ (14).

Sau chuyến thị sát Đông Dương của Paul Reynaud, việc "cải cách chế độ quan trường" được thúc đẩy mạnh mẽ, theo phương châm "cây gậy và củ cà rốt" (15), tức là vừa đe dọa, quy trách nhiệm vừa ban phát một vài quyền lợi vật chất và tinh thần.

Về "cây gậy" thì như đã biết, chính phủ Pháp không muốn cho lập ra một Ủy ban điều tra thuộc địa của Nghị viện Pháp nhưng lại cho lập ra một phái đoàn đặc biệt do Morche (Chủ tịch Tòa thượng thẩm Hà Nội đứng đầu) và thành viên là những viên chức cao cấp Pháp - Việt, chống cộng quyết liệt như: Perroux (đại diện Đại hội đồng Kinh tế và Tài chính); Thiếu tướng Bonnet; Tôn Thất Hân (cựu Tổng đốc); Dupuy, (Thanh tra các cơ quan chính trị); Dioque, (kiểm soát viên các cơ quan Cảnh sát và An ninh). Ủy ban này được thành lập với mục đích là vừa để tìm ra "thủ phạm", tức những người cộng sản vừa để điều tra đối với chính các quan lại Nam triều, từ Tổng đốc trở xuống, để xét xem hàng ngũ này có biết tới "thực tế cộng sản" hay không, có hoàn thành trách nhiệm trong lúc "rối loạn" không, có kiểm tra đôn đốc các thuộc hạ và có giữ mối liên hệ với Công sứ hay không...

Về "củ cà rốt", Phủ toàn quyền tìm cách phục hồi và làm tăng quyền lực cho các quan chức người Việt và bộ máy chính quyền từ tỉnh tới các làng xã và ban phát thêm quyền lợi vật chất cho đội ngũ này.

Ở cấp xứ, ngay từ 1929, để mở rộng quyền hành chính trị cho các Tổng đốc, Tuần phủ, Thống sứ Bắc Kỳ cho phép: "*các quan hành chính có quyền được phê vào lý lịch và xét đoán thái độ của các viên chức các sở làm việc trong hàng tỉnh*" (16). Tháng 10-1930, Thống sứ Bắc Kỳ quyết định tăng lương cho viên chức công sở và tăng lương cho lính khố xanh "*do có công với nhà nước trong vụ biến động vừa rồi*" (tức là đàn áp phong trào cách mạng TTT", mỗi năm tốn ngót 8 vạn đồng của ngân sách (17)... Cùng lúc, Thống sứ Bắc Kỳ cũng đưa ra lộ trình tăng lương cho các chức quan trong bộ máy chính phủ Nam triều, với khoản tiền tổng cộng 40 vạn đồng được trích từ ngân sách cấp xứ. Kế hoạch là từ 1932, sẽ bắt đầu tăng cho ngạch dưới, rồi sau sẽ tăng cho các bậc quan phủ huyện, sau đến Tổng đốc, Tuần phủ.

Tháng 1-1932 (18), Toàn quyền ra nghị định bổ sung Nghị định ngày 20-9-1929 về việc tăng lương cho nha lại từ ngày 1-1-1931. Theo đấy, thông phán từ hạng nhất tới hạng 3 được tăng lần lượt: 120%, 125% và 130% và thừa phái từ hạng nhất đến hạng năm được tăng trong khoảng từ 130% đến 140%. Chẳng hạn: thông phán hạng nhất được tăng từ 840 đồng lên 1.080 đồng, thừa phái hạng nhất từ 480 đồng lên 638 đồng... Tháng 4-1932 (19), Pierre Pasquier ra nghị định gia thêm một ngạch lương mới

ngạch Thông phán thượng hạng cho nha lại Nam triều. Theo đấy, thông phán ngoại hạng: 1.440 đồng; hạng nhất: 1.320 đồng; hạng nhì: 1.200 đồng. Các loại thông phán và thừa phái khác vẫn giữ nguyên như quy định của Nghị định ngày 1-1-1931. Tháng 11-1932 (20), Pierre Pasquier ban hành nghị định khác định lại lương cho các viên chức "*Annam*" tòng sự tại các công sở Đông Pháp, với 34 hạng viên chức, gồm tham tá (9 bậc, từ tham tá tập sự 600 đồng tới tham

tá thượng ngoại hạng 2.100 đồng), thư ký (14 bậc, từ thư ký tập sự 300 đồng tới thư ký thượng ngoại hạng 1.540 đồng), tùy phái 9 bậc, từ tùy phái tập sự 180 đồng tới chánh tùy phái hạng nhất 492 đồng...).

Kế hoạch tăng lương gặp khó khăn do ngân sách bị thâm hụt, song đó đã là "*củ cà rốt*" đối với giới chức bản xứ rồi.

Đối với Trung Kỳ, ngay đầu năm 1930, Pierre Pasquier phê chuẩn Nghị định của Khâm sứ Trung Kỳ (21) lập ra ở mỗi tỉnh (trừ Đồng Nai thượng và Kontum) một Hội đồng lý dịch bản xứ hàng tỉnh. Pierre Pasquier cũng cho phép Le Fol đưa ra dự án về chính phủ Nam triều mới (tức Cơ mật viện). Và như đã biết, ngay khi vua Bảo Đại về nước, dự án này đã được thông qua, việc "*cải tổ*" bộ máy chính phủ Nam triều, nhờ tay vị tân hoàng đế này được đẩy lên một bước và nhanh chóng được hoàn chỉnh trong các năm 1932-1933. Một loạt đạo dụ đã được ban hành để triển khai việc "*cải tổ*" đó.

Ngày 25-11-1932, vua Bảo Đại ra dụ lập Ngự Ty văn phòng, giúp việc cho vua, gồm các ty, các phòng và người đứng đầu là: Ty dịch sách (Trần Đức Cáp); Ty Khảo duyệt (Huỳnh Yên); Phòng Bí thư (Nguyễn Khoa Phong); Ty Giao thiệp và Kế toán (Nguyễn Độ); Ty Cẩn tín (Hoàng Trung Độ). Ngày 2-3-1933, Bảo Đại ra dụ 29, cải tổ bộ máy đầu não Nam triều, thay đổi một cách cơ bản nhân sự và tổ chức của bộ máy đó. Theo đấy, chức Viện trưởng Cơ mật viện bị bãi bỏ và rút xuống chỉ còn 5 bộ với các thượng thư đều có tên trong danh sách các "*thượng lưu trí thức*" bản xứ: Thái Văn Toản, Hiệp tá đại học, Thượng thư Bộ Công tác, Mỹ thuật và Lễ nghi; Phạm Quỳnh, chủ báo *Nam phong*, Thượng thư Bộ Giáo dục, kiêm ngự tiền văn phòng Tổng lý đại thân; Hồ Đắc Khải, Tổng đốc Bình Định, Thượng thư

Bộ Tài chính, cứu tế xã hội; Ngô Đình Diệm, Tuần phủ Bình Thuận, Thượng thư Bộ Tư pháp. Nhiệm kỳ của thượng thư là 3 năm.

Liên ngay, cùng đạo dụ 29, Bảo Đại cho thành lập *Hội đồng cải cách* (commission de réformes) cũng với thành phần là những vị thượng thư trên do Ngô Đình Diệm làm chủ tịch, được đặt dưới sự chủ tọa của Khâm sứ Trung Kỳ. Các cơ quan đại biện của Pháp được đặt bên cạnh các bộ của Nam triều theo Thỏa ước ngày 6-11-1925 đã bị Đạo dụ này tuyên bố bãi bỏ nhưng lại thay bằng các "*cố vấn kỹ thuật*" do Khâm sứ chỉ định để "*giúp điều hành bộ máy chính quyền Nam triều*".

Ngày 26-5 và 17-6-1933, Hội đồng Cơ mật và Hội đồng cải cách họp các phiên đầu tiên dưới sự chủ tọa của Khâm sứ Thibaudaud, với sự tham dự của Phạm Quỳnh. Nội dung của các phiên họp này là bàn về dự án cải cách và chuẩn bị hàng loạt văn bản để thực hiện "cải cách" và "*chấn chỉnh*" hoạt động của bộ máy chính phủ Nam triều.

Tiếp tục "cải cách", ngày 3-7-1933, vua Bảo Đại ra Đạo dụ số 44 ban hành "*Quan viên quy trình*" quy định về hệ thống chức danh, phẩm hàm, những quy cách bổ dụng quan lại Nam triều ở Trung Kỳ, từ cấp tỉnh trở xuống. Theo đấy, quan lại từ tỉnh trở xuống được sắp xếp lại theo các cấp phủ, huyện, đạo, châu. Mặt khác, để khôi phục "*danh giá*" cho quan lại, theo Đạo dụ 44, ứng với mỗi chức quan sẽ là một phẩm hàm, ngược lại, ứng với mỗi phẩm hàm là một chức quan. Việc tuyển chọn quan lại sẽ diễn ra đều đặn hàng năm, theo tỷ lệ: 2/5 từ số học sinh tốt nghiệp Quốc tử giám; 2/5 từ số học sinh tốt nghiệp Cao đẳng tiểu học Pháp - Việt qua kỳ thi tuyển chữ Hán theo chương trình do Bộ Lại ấn định và Khâm

sứ xét duyệt; 1/5 từ những người đỗ tú tài. Như vậy, Khâm sứ Trung Kỳ là người quyết định "*quan viên quy trình*", từ đề ra tiêu chuẩn, xét duyệt, bổ nhiệm từ cấp cao nhất là Thượng thư tới cấp thấp nhất là Tông Cửu phẩm, nghĩa là vẫn giữ nguyên tinh thần Thỏa ước ngày 6-11-1925 mà vua Bảo Đại tuyên bố bãi bỏ vào ngày 10-9-1932. Hơn nữa, những người có Hán học vẫn được trọng dụng.

Ngày 3-7-1933, vua Bảo Đại ra Đạo dụ 45 "*cải tổ*" Viện Dân biểu Trung Kỳ (22) (vốn là Viện nhân dân đại biểu Trung Kỳ do toàn quyền Varenne đổi tên vào 1926) để cho kịp với việc "*cải tổ*" Viện Dân biểu Bắc Kỳ, với lý do là:

"Trẫm nhậm những chức vụ giao cho Viện dân biểu cần phải mở rộng thêm và sự định tư cách người bầu cử nghị viên cũng nên đổi lại, để cho dân ta càng ngày càng tham dự vào việc chung cho trình độ tiến hoá mới ngày càng phát triển thêm"...

Vậy nên, mặc dù vẫn không được làm bàn những vấn đề chính trị như trước đây, nhưng nay cơ quan này đã được cử hai đại biểu tham gia Đại hội đồng Kinh tế và Tài chính Đông Dương và thành phần cử tri đi bầu cũng được mở rộng hơn, tới cả những hạng thường dân, theo tỷ lệ "... cứ mỗi 50 đình hay phân lẻ quá 20 đình là được bầu một người làm uỷ viên" cùng là hạng trí thức, cả cựu học và tân học: tiến sĩ, phó bảng, cử nhân, cống sinh, tú tài và những học sinh của các trường Pháp và Pháp Việt, từ sơ học đến cao đẳng tiểu học, trung học và đại học, đủ 21 tuổi.

Tiếp theo, ngày 4-7-1933, vua Bảo Đại còn ra Đạo dụ 48 định thể lệ, chương trình thi vào ngạch quan cho hai xứ Trung và Bắc Kỳ. Việc thi được Nam triều tổ chức hàng năm ở Hà Nội và Huế để chọn quan phủ, huyện ở Bắc và thuộc quan ở Trung

Kỳ nhưng số lượng và danh sách thí sinh đều do người đứng đầu các xứ xét duyệt, chánh chủ khảo việc thi là do Toàn quyền chỉ định. Điều đáng chú ý là *"thí sinh sẽ được chọn ở bọn thượng lưu mới... là bọn thiếu niên đã nhờ được nước Pháp mở rộng cửa các học đường cho"*, cụ thể là những người có bằng tiến sĩ, cử nhân, cao đẳng sư phạm Pháp, những người có bằng tú tài, thành chung được 4 năm, các viên chức công sở đã làm việc từ 4 năm trở lên, có *"hạnh kiểm tốt"*. Bài thi bằng tiếng Pháp về lịch sử văn hóa Á Đông (Trung Quốc, Ấn Độ), luận về văn minh Thái Tây và một bài diễn thuyết về một vấn đề chính của Đông Dương. Theo André Dumarest thì *"Mục đích 'cải cách' đối với việc tuyển chọn quan lại này là nhằm cách tân dần dần đội ngũ quan lại để biến họ thành một giai cấp tư sản trí thức xứng đáng trên mọi mặt với vai trò lãnh đạo của nó"* (23). Thực ra, chính quyền thuộc địa muốn lấy lòng giới *"thượng lưu trí thức"* Tây học, đang chấp chới giữa hệ thống cũ, tức hệ thống quan lại Nam triều và hệ thống hành chính mới, tức bộ máy hành chính thực dân, lôi kéo họ ra khỏi ảnh hưởng của cả *"chủ nghĩa quốc gia kịch phát"* cũng như của chủ nghĩa cộng sản.

Ở Bắc Kỳ, tiếp tục những *"cải cách"* ban đầu của Thống sứ René Robin, ngày 8-11-1933, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định chuẩn y Đạo dụ của vua Bảo Đại về chế độ chính trị ở Bắc Kỳ và thành lập Hội đồng cố vấn Bắc Kỳ. Đạo dụ nhắc lại việc bãi bỏ Thỏa ước ngày 6-11-1925, tái thừa nhận *"quyền lực"* của hoàng đế Annam đối với Bắc Kỳ và thừa nhận cho Thống sứ được kiêm giữ chức Kinh lược Bắc Kỳ để *"Thống sứ có thể thi hành chức trách"* - một vị trí quan trọng, trước đây là do một đại thần Nam triều đảm nhiệm. Đạo dụ cũng thừa nhận tổ chức tư vấn được thành lập ở

Bắc Kỳ sau Thỏa ước 1925 (tức Ủy ban tư vấn Bắc Kỳ nay đổi thành Hội đồng tư vấn Bắc Kỳ) gồm 6 ủy viên mang hàm thượng thư (khi vào Huế được tham gia Hội đồng thượng thư), trong đó 2 ủy viên phải là quan lại cao cấp, đang tại chức, 4 ủy viên được lựa chọn trong hàng quan lại tại chức hoặc đã nghỉ hưu, hoặc *"các bạn danh giá trong giới nông, công, thương trí thức"*. Các ủy viên có nhiệm kỳ 2 năm do Thống sứ Bắc Kỳ đề cử và Nam triều bổ nhiệm. Cơ quan này có nhiệm vụ *"bày tỏ ý kiến về việc cai trị bản xứ mà Thống sứ yêu cầu"*. Thực chất, Hội đồng tư vấn Bắc Kỳ là công cụ cho Thống sứ Bắc Kỳ thực thi chức năng Kinh lược, bị bãi bỏ từ 1897 và được lập lại vào năm 1925.

Để hỗ trợ cho việc *"phục cổ"*, *"phục hoạt"* cả bộ máy quan lại cũ rích này, tăng thêm *"oai quyền"* và sơn phết lại *"mẫu mã"* cho chúng, Pierre Pasquier cùng những *"thượng lưu trí thức bản xứ"* chủ trương khôi phục lại Nho giáo, vốn từ lâu nay đã bị tây học lấn át, bị nhân dân chán ghét. Bởi muốn có được chế độ *"bảo hộ chặt chẽ"* cần phải có sự *"tôn trọng nghiêm khắc"* đối với quan lại, một sự phục tùng vô điều kiện của nhân dân, theo tư tưởng *"trung quân"*, còn quan lại thì phải thấm nhuần tinh thần là *"công bộc của dân, cha mẹ dân"*... cả hai gắn với nhau theo những quy lệ ngặt nghèo của Nho giáo. Nho giáo, vì vậy đã được *"Cách mạng"* hoá và trở thành một công cụ đàn áp đặc lực đối với cách mạng trong tay chính quyền thực dân. Cũng như vậy, Phật giáo tiếp tục được *"chấn hưng"*. Bên cạnh đó, nhiều *"cải cách"* khác về văn hóa xã hội cũng được tiến hành để trợ giúp cho việc *"cải cách"* về chính trị và củng cố bộ máy cai trị thuộc địa, như *Hội nghị nhân viên ban lãnh đạo Đảng Cộng sản Đông Dương ở hải ngoại và các đảng bộ ở trong nước* tháng 6-1934 còn vạch rõ:

"Bọn đế quốc cho phép bọn phong kiến, địa chủ, tư bản và trí thức tư sản chọn một đại biểu (ở Nam Kỳ) vào "Hội đồng thuộc địa tối cao" ở Paris. Chúng cho tăng con số các đại biểu bản xứ trong các cơ quan đại diện địa phương (Hội đồng thuộc địa, Đại hội đồng kinh tài Đông Dương, Viện thương mại và canh nông), cho nhập quốc tịch Pháp, cải tổ triều đình An Nam và Viện dân biểu, cho phép trí thức lớp trên trung thành với đế quốc Pháp giữ những chức vụ quan lại cao cấp... Ở thôn quê, chúng lập các tổ chức phản cách mạng, ví dụ như "Hội bảo hộ tư hữu", tăng các đội dân đoàn (liên đoàn nông dân), cử các tổng đoàn, huyện đoàn, xã đoàn... hòng mua chuộc bọn địa chủ phú nông.

Bọn đế quốc đã đặt cơ quan giáo dục vào tay triều đình An Nam, xóa bỏ trợ cấp đối với các trường học ở thôn quê, đặt trường học dưới quyền bọn hào mục, lập các trường Phật giáo ở Cao Miên... với mục đích giáo dục con em những người nô lệ thành những người bị lệ thuộc hoàn toàn vào giai cấp thống trị và bóc lột.

Toàn bộ chính sách cải cách chỉ là một phần của chính sách thuộc địa chung của đế quốc Pháp, nhằm thống nhất tất cả các phần tử bóc lột bản xứ và duy trì tất cả tàn dư phong kiến để làm cho nhân dân mê muội. Bọn đế quốc chống lại cuộc đấu tranh cách mạng để giữ vững chế độ bóc lột và áp bức của chúng ở Đông Dương" (24).

Như vậy, đến năm 1933, việc thay đổi chiến lược thuộc địa và đường lối "cải tổ" bộ máy chính quyền thuộc địa của Pierre Pasquier được coi như đã "hoàn tất" về cơ bản: Thỏa ước ngày 6-11-1925 được tuyên bố bãi bỏ; Nam Kỳ được dự định xây dựng thành một xã hội dân sự dựa trên sự "mở rộng" chế độ bầu cử và sự tham gia nhiều hơn của người "bản xứ" vào hệ thống chính

quyền; một chế độ bảo hộ "chặt chẽ", với cả triều đình Huế được lập lại ở Trung Kỳ; một chế độ bảo hộ về danh nghĩa, với chức Kinh lược do Thống sứ kiêm tính được "khẳng định" ở Bắc Kỳ và cả hệ thống chức dịch, quan lại "bản xứ" được chú ý "kích hoạt" trên cả ba kỳ.

Công việc "cải cách" về chính trị và "cải cách" bộ máy chính quyền theo các hướng "chia để trị", "dùng người Việt trị người Việt" này của Pierre Pasquier đã tỏ ra "hiệu nghiệm" ngay tức thì, nhất là trong việc đàn áp phong trào đấu tranh cách mạng 1930-1931 của nhân dân ta nói chung, phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh nói riêng.

Đây là một đoạn miêu tả sự câu kết giữa bộ máy đàn áp của thực dân Pháp với sự trợ giúp của bộ máy quan lại Nam triều trong việc "dẹp" phong trào cộng sản, trong công trình của một tác giả người Pháp (25):

"Việc cải cách Viện Cơ mật đã thành công trong việc thúc đẩy các thành viên của nó tiến lên trong vụ nổi loạn ở Nghệ Tĩnh.

Một hình thức hợp tác xuất hiện trong việc đàn áp cuộc nổi loạn này. Tay trong tay, các thành viên của chính phủ Nam triều và các thanh sát viên của Cục chính trị (Service des Affaires politiques) cùng tới các tỉnh rối loạn với đầy đủ quyền lực để thiết lập lại trật tự và xem xét việc đưa thêm quân đội vào.

Trong một dịp khác, Khâm sứ Trung Kỳ và Bộ trưởng tư pháp Nam triều (Thượng thư bộ Hình) tới hiện trường để giải quyết những vấn đề do những người cộng sản đặt ra. Họ triệu tập các quan chức lại và nói bằng giọng cương quyết và Khâm sứ đã đạt được việc là một số quan chức còn bảo hoàng hơn nhà vua đã yêu cầu chính phủ phải dùng những biện pháp cứng rắn hơn đối với những người cộng sản.

"Những người có của và các nhà nho, điểm ngắm khác mà chính quyền bảo hộ nhằm vào đã được gọi đến để nhận lại vai trò cũ đối với dân chúng, bởi họ tiếp tục là cơ sở xã hội của Trung Kỳ, cơ sở mà cho đến lúc này tỏ ra mất vũ khí và thụ động trước những người cộng sản".

Các quan chức nghỉ hưu ở Hà Tĩnh thì được phái tới những gia đình là người thân của họ để chống tuyên truyền cộng sản. Chính quyền thuộc địa mượn gia đình để giáo dục con em họ không nên nghe theo cộng sản.

Tất cả các cỗ máy của xã hội Việt Nam truyền thống đã trở thành đối tượng của một việc thử phục hoạt lại nhằm thiết lập một con đê có thể ngăn được những đợt thủy triều cộng sản dâng lên"

Ở tất cả các xứ, lý dịch các làng và bộ máy quan lại Nam triều bị đẩy lên tuyến trước trong việc chống cộng và trên thực tế bọn chúng không phải là ít đã trở thành trợ thủ đắc lực cho cảnh sát và cơ quan an ninh thuộc địa trong nhiệm vụ được giao cho là "bóp chết mầm phản loạn từ trứng nước" (26).

Trong bức thư đề ngày 2-5-1930 của chủ tỉnh Bạc Liêu gửi Thống đốc Nam Kỳ nói về những biện pháp đối phó với những cuộc biểu tình, mít tinh "cộng sản" nhân ngày 1-5 ở tỉnh này cho thấy rõ "trách nhiệm" và sự "phối hợp" của lý dịch (notables) với lực lượng an ninh thuộc địa trong công việc này ra sao. Chủ tỉnh viết:

"Những biện pháp sau sẽ được sử dụng:

a. Đảm bảo giám sát chặt chẽ những người lạ trong tỉnh và những người bản xứ bị tình nghi.

b. Tổ chức thường xuyên việc tuần tra ban đêm với các nhóm từ 6 đến 10 tuần đinh dưới sự chỉ đạo của các lý dịch.

c. Dùng vũ lực để cấm tụ tập và giải tán việc tụ tập.

Mặt khác, các đơn vị dân binh có súng dưới sự chỉ đạo của cảnh sát Bạc Liêu và Cà Mau, của người đứng đầu đơn vị cơ động của cơ quan an ninh và những đại diện chính quyền tuần tra bằng ô tô trong các đêm 29 và 30 (tháng Tư) trên tất cả các phố để kiểm tra sự tuần phòng của lý dịch và nếu không thấy họ tuần tra thì mạnh tay với họ (en cas écheant, leur prêter main forte" (27).

Và đây là thái độ tán thưởng nồng nhiệt của quan lại, lý dịch, "thượng lưu trí thức" tỉnh Vĩnh Long đối với việc đàn áp cộng sản, "ổn định trật tự" của chính quyền thuộc địa trong phong trào 1930-1931, được thể hiện qua bức thư đề ngày 25-7-1931 của Chủ tỉnh Vĩnh Long gửi Thống đốc Nam Kỳ. Bức thư ghi:

"Tôi hân hạnh gửi cho ngài 7 bản điều trần do các quan chức chính quyền và các lý dịch bản xứ ở Vĩnh Long gửi cho tôi để cảm ơn chính quyền Pháp đã nhanh chóng ổn định trật tự trong vùng vừa mới bị khuấy đảo bởi những hoạt động mất trật tự và bạo lực, không thể tha thứ mà nhất là các hoạt động cộng sản.

Tôi báo cho ngài được biết, đứng đầu cho những biểu hiện của sự trung thành thành thực này và gắn bó với sự nghiệp của người Pháp là đại diện của những vị dân biểu có nghĩa là Ủy viên Hội đồng thuộc địa, các uỷ viên Hội đồng hàng tỉnh đồng thời là các địa chủ chính và giới thượng lưu trí thức và xã hội bản xứ" (28).

Kèm theo thư này, chủ tỉnh Vĩnh Long gửi Thống đốc Nam Kỳ 7 bản điều trần có chữ ký của hàng trăm lý dịch, điền chủ, thương gia ở các tổng của Vĩnh Long gửi Petit để tỏ lòng "biết ơn sâu sắc" đối với "công trạng to lớn" của viên chủ tỉnh này

cũng như sự "trung thành tuyệt đối" đối với nhà nước "Đại Pháp", sẽ được dẫn ra ở sau.

Đúng như Đảng Cộng sản Đông Dương nhận định ngay vào thời điểm diễn ra cuộc "cải cách" của Pierre Pasquier (trong Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương, 6-1932), rằng:

"Bọn địa chủ, hào lý cùng tư bản bản xứ đều sẵn lòng đóng vai tuồng đao phủ giúp

để quốc thám sát công nông binh. Hữu công đắc vi thường, vì thế cho nên đế quốc bàn việc cải lương cho chúng, chúng đội ơn bèn dựng "bản thỉnh cầu". Đế quốc cải cách mục đích để kiểm thêm đồng minh ở Đông Dương, để hoàn toàn thu phục tư bản bản xứ vào phe phản cách mạng, cùng để kéo bọn tiểu tư sản thượng lưu trong thành thị và các phần tử bóc lột ở thôn quê sang mặt trận của chúng nó..." (29).

CHÚ THÍCH

(1). Năm 1908, Đại tá Digne xuất bản một cuốn sách nói về chính trị ở Đông Dương. Tác giả này so sánh đường lối cai trị của Pháp ở Đông Dương với chính sách thuộc địa của La Mã cổ đại ở châu Âu và khuyên Pháp nên theo gương La Mã sử dụng chính sách bảo hộ đối với các thuộc địa của mình. *Nam Phong*, số 151, tr. 528.

(2). Dẫn theo Nguyễn Văn Trung: *Chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt Nam - Thực chất và huyền thoại*. I. Văn hóa và chính trị, Nam Sơn xuất bản, Sài Gòn, 1963, tr. 280.

(3). Patrice Morlat: *Pouvoir et Repression au Việt Nam durant la période coloniale 1911-1940*, Paris, 1985, tr. 366.

(4). *Nam Phong*, số 151, tr. 528.

(5). *Nam Phong*, số 154, tr. 300.

(6). *Nam Phong*, số 167, tr. 326.

(7). *Nam Phong*, số 178, tr. 533.

(8). Xem Tạ Thị Thúy (chủ biên): *Lịch sử Việt Nam, Tập VIII, 1919-1930*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2007.

(9). *JOIF*, số 6, 18-1-1930, tr. 1959.

(10), (11). *Nam Phong*, số 153, tr. 210.

(12). *JOIF*, 2er semestre 1930, tr. 4193.

(13). *JOIF*, 2er semestre 1930, tr. 3519.

(14). *JOIF*, 2er semestre 1930, tr. 4190.

(15). Patrice Morlat, sdd, tr. 369.

(16), (17). *Nam Phong*, số 153, tr. 210-212, 210.

(18). *Nam Phong*, số 168, tr. 110-111.

(19). *Nam Phong*, số 171, tr. 447.

(20). *Nam Phong*, số 176. 1932.

(21). *JOIF*, 2er semestre 1930, tr. 4193.

(22). Theo *Sông Hương tục bản*, số 2, ngày 26-6-1937, Trong *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, Tập V, Văn học Việt Nam 1930-1945, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1963, tr. 602.

(23). André Dumarest: *La formation des classes sociales en pays annamites*, Lyon, 1935, tr. 114.

(24). Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999, tr. 160-161.

(25). AOM, Slotfom, serie III, carton 42, Gouverneur Général à Colonies 9-9-1930. Patrice Morlat, sdd, tr. 367.

(26). AOM, NF, carton 290, Cơ mật 28-7-1931.

(27). IIA 45/ 211(2).

(28). II A45/244 (2) Vinh Long - Méfait commis par les communistes - renforcement de la police.

(29). Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999, tr. 6.